

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-04-2022

V/v: Không công nhận quan hệ vợ
chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Châu Giang

Bà Trần Thị Bích Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đinh Phú Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị V, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Bàn Văn V, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Trương Thị V trình bày: Tôi và anh Bàn Văn V về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10/1992 và có làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chúng tôi sống tại thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái hạnh phúc thời gian đầu đến tháng 09/1993 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi và anh V tính tình không hợp nhau nên thường xuyên chúng tôi xảy ra cãi chửi nhau. Anh V không chịu tu chí làm ăn, suốt ngày chơi cờ bạc mỗi lần về nhà lại sinh sự đánh tôi.

Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh V rất nhiều lần nhưng anh V không thay đổi. Không chịu được cuộc sống như vậy nên tháng 09/2017 tôi đi làm ăn xa ở dưới Hà Nội, anh V có 01 lần gọi điện thoại cho tôi bảo tôi về để tiếp tục chung sống vợ chồng nhưng tôi không về nhà, tôi có về nhà bố mẹ để tôi ở thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái sinh sống. Tôi và anh V đã sống ly thân nhau từ tháng 09/2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án tuyên bố tôi và anh Bàn Văn V không phải là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 cháu Bàn Thế H, sinh ngày 29/09/1993. Cháu H đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện V đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh V tại thôn K, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Những lần Tòa án gửi các giấy tờ cho anh V, anh B là em trai anh V đã nhận và thông báo cho anh V biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa chị V và anh nhưng anh V cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14; 53 Luật Hôn nhân gia đình. Tuyên bố chị Trương Thị V và anh Bàn Văn V không phải là vợ chồng. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn; bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V và anh Bàn Văn V tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 10/1992 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn là đúng thực tế. Chị V cho rằng anh chị sống với nhau hạnh phúc đến tháng 09/2017 thì mâu thuẫn xảy ra do vợ chồng tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Chị V xác định không còn tình cảm với anh V nữa và đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh V không phải là vợ chồng theo quy định pháp luật.

Để góp phần xây dựng hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ. Luật hôn nhân gia đình quy định: “Việc đăng ký kết hôn phải do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện ...”; Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Thực tế trong vụ án này chị Trương Thị V và anh Bàn Văn V chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Như vậy cần áp dụng những quy định trên để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị V và anh Bàn Văn V.

[4] Về con chung: Có 01 cháu Bàn Thế H, sinh ngày 29/09/1993. Cháu H đã trưởng thành nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 14; 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố chị Trương Thị V và anh Bàn Văn V không phải là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Trương Thị V phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0001391 ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại Thi hành án dân sự huyện V. Xác nhận chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng